

Bản án số: 28/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 02/8/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Th phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên

Bà Đỗ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:147/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số:14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1980

2. *Bị đơn:* Anh **Đào Văn Đ**, sinh năm 1979

Đều ở địa chỉ: thôn K, xã H, huyệnX, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Đào Văn Th**, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn *, xã N, huyện C, tỉnh ĐăkNông

-Chị **Đào Thị Th**, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn B, xã D, huyện C, tỉnh ĐăkNông

- Ông **Đào Văn Th1**, sinh năm 1960

Địa chỉ: tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Bà **Ngô Thị O**, sinh năm 1957

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện X, tỉnh Thái Bình.

-Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1977 và chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1982 (là vợ anh Chiến)

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện X, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: chị và anh Đào Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Kiến Xương vào ngày 23/11/2001. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, tháng 3/2019 anh Đ nghe người khác xúi giục về chữ bới, đánh đập chị nên chị và anh Đ sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị không còn tình cảm với anh Đ, không trở về đoàn tụ được nên chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: chị và anh Đ có hai con chung là Đào Ngọc L, sinh ngày 01/10/2002, đã trưởng thành và Đào Đình X, sinh ngày 05/11/2006 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Đình X, không yêu cầu anh Đ góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị làm công việc lao động tự do thu nhập khoảng 5.000.000 Đ/ tháng. Cháu Đào Đình X có nguyện vọng được ở với chị D khi anh, chị ly hôn.

Về tài sản chung: ngày 10/12/2020 chị D có yêu cầu chia tài sản chung, cùng ngày Tòa án đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 325/2020/TB -TA cho chị D. Tuy nhiên hết thời hạn ghi trong thông báo chị D không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí và rút yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: chị và anh Đ khai thống nhất các khoản nợ sau: nợ tiền mua vật liệu xây dựng của vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Th ở xã Hồng Tiến, nợ của ông Đào Văn Th1 ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La số tiền 2.000.000 Đ. Chị không thừa nhận khoản nợ của anh Đào Văn Th, chị Đào Thị Th và bà Ngô Thị O như anh Đ khai. Chị đề nghị giải quyết nợ chung theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đào Văn Đ trình bày: sau khi kết hôn anh và chị D chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị D mê tín, có quan hệ với người đàn ông khác. Anh và chị D đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị D xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: anh và chị D có hai con chung như chị D khai, nguyện vọng của con chung Đào Đình X muốn ở với ai anh sẽ tôn trọng. Nếu Tòa án giao con Xuyên cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị D góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh làm thợ nhôm kính, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: ngày 11/01/2021 anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, cùng ngày Tòa án đã giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 07/2021/TB – TA cho anh Đ. Tuy nhiên hết thời hạn ghi trong thông báo anh Đ không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án với lý do anh không có tiền nộp, đến nay anh không yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: ngoài khoản nợ của ông Đào Văn Th1 và khoản nợ của vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Th như chị D khai. Theo anh vợ chồng còn nợ các khoản sau: nợ bà Ngô Thị O số tiền 20.000.000 Đ; nợ anh trai anh là Đào Văn Th số tiền 20.000.000 Đ trong đó có 10.000.000 Đ vay vào khoảng năm 2015, mục đích vay để chị D làm “lẽ” và 10.000.000 Đ anh vay vào tháng 9/2020 để lo cho con Đào Ngọc L nhập học; khoảng tháng 9/2020 anh vay của em gái là Đào Thị Th số tiền 13.000.000 Đ, mục đích để mua máy vi tính cho con Đào Ngọc L. Việc anh vay tiền của bà O, anh Th và chị Th, anh không thông báo cho chị D. Anh đề nghị giải quyết nợ chung theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị O trình bày: khoảng tháng 9/2020 bà có cho anh Đ vay số tiền 20.000,000 Đ để lo nhập học cho cháu Đào Ngọc L, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền bà đã cho anh Đ vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Th trình bày: chị là em gái của anh Đ, năm 2008 chị có cho anh Đ vay số tiền 3.000.000 Đ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền đã cho anh Đ vay .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Th1 trình bày: ông là chú ruột của anh Đào Văn Đ, vào khoảng năm 2009 ông có cho anh Đ- chị D vay số tiền 2.000.000 Đ, nay ông yêu cầu chị D phải trả số tiền này cho ông, ông không yêu cầu trả lãi. Ngày 27/01/2021 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 01 ngày 25/01/2021 cho ông Đào Văn Th1, hết thời hạn ghi trong thông báo ông Th1 không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn Th trình bày: anh là anh trai của anh Đ, anh có cho anh Đ vay tổng số tiền 20.000.000 Đ, lần thứ nhất vào thời gian con anh Đ học hết cấp 3 để anh Đ đóng học phí cho con, khi vay không viết giấy biên nhận và một lần chuyển vào tài khoản của chị D 10.000.000 Đ, thời gian cụ thể

anh không nhớ. Nay anh yêu cầu chị D và anh Đ phải trả cho anh số tiền trên, anh không yêu cầu trả lãi. Anh không có tài liệu nào nộp cho Tòa án và xin giải quyết vắng mặt. Ngày 19/4/2021 anh Th đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, tuy nhiên hết thời hạn ghi trong thông báo anh Th không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Th trình bày: năm 2016 anh Đ và chị D có mua vật liệu xây dựng của gia đình anh, chị và còn nợ số tiền 2.399.000 Đ. Nay anh, chị yêu cầu chị D và anh Đ phải trả số tiền trên. Ngày 22/01/2021 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho anh Ch và chị Th, hết thời hạn ghi trong thông báo vợ chồng anh Chiến không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Ngày 02/8/2021 chị Th nộp đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chị D và anh Đ còn nợ.

Người làm chứng là cháu Đào Ngọc L (con của anh Đ và chị D) trình bày: trong thời gian sinh sống cùng anh Đ và chị D, cháu Long thấy anh, chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân. Từ khi nhập học tại trường cao đẳng FPT khu vực Tây Nguyên, anh Đ là người đóng học phí cho cháu Long, ngoài ra hàng tháng cho cháu 2.000.000 Đ, chị D đóng học phí cho cháu Xuyên và có quan tâm đến cháu, thỉnh thoảng có gửi tiền cho cháu.

Kết quả xác minh tại UBND xã H, huyện Kiến Xương thể hiện: năm 2018 giữa anh Đ và chị D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không Đ tình với việc chị D mê tín, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác nên sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Địa phương xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Th1, anh Đào Văn Th, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Th không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: xử cho chị D được ly hôn anh Đ; Về con chung giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Đình X, ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu

anh Đ góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; không giải quyết yêu cầu của ông Th1, anh Th, anh Chiến và chị Th trong vụ án này; Về án phí chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 Đ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn Đ có nơi cư trú xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn Th, chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn C, ông Đào Văn Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khoảng năm 2018 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất Đ về cách sống, không có sự tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm. Chị D xin ly hôn, anh Đ xác định tình cảm không còn, không trở về đoàn tụ được nên cũng nhất trí. Điều đó thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị D, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con của chị D và anh Đ như nhau, con Đào Đình X ở với chị D từ khi anh, chị sống ly thân và có nguyện vọng tiếp tục được ở với chị D. Do đó để ổn định tư tưởng, cuộc sống của trẻ, cần giao con chung Đào Đình X cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu

anh Đ góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Đào Ngọc L, sinh ngày 01/10/2002, đã trưởng Th nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung: chị D và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ: những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị O, chị Đào Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Th1, anh Đào Văn Th, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Th yêu cầu giải quyết số tiền anh Đ và chị D còn nợ. Tuy nhiên do ôngTh1, anh Th, anh Ch và chị Th không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên căn cứ vào khoản 2 Điều 73, khoản 1 Điều 146, và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết yêu cầu của những người này trong cùng vụ án; ôngTh1, anh Th, anh Chiến và chị Th có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 Đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 73, khoản 1 Điều 146, Điều 202, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đào Văn Đ.

2.Về con chung: con chung Đào Ngọc L, sinh ngày 01/10/2002 đã trưởng Th, không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Đình X, sinh ngày 05/11/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Đ góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom con chung.

3.Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Không chấp nhận giải quyết yêu cầu của ông Đào Văn Th1, anh Đào Văn Th, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Th trong cùng vụ án này, ôngTh1, anh Th, anh Ch và chị Th có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) Đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) Đ chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001719 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương Th án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị D và anh Đào Văn Đ có mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/8/2021. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ